TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phiến.

2. Bà Bùi Thanh Thúy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phạm Văn Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 8 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Đặng Ngọc Đ, sinh năm 1979 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện L, Đồng Tháp.

Số điện thoại: 083.9959939

- *Bị đơn*: Phan Thị Kim L, sinh năm 1978 (*vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ I, ấp T, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Số điện thoại: 079.4493796

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và văn bản ý kiến của nguyên đơn anh Đặng Ngọc Đ trình bày:

Anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị Kim L tự tìm hiểu, yêu thương và tiến tới hôn nhân, cả hai đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận kết hôn số 148, ngày 12/12/2011.

Sau thời gian kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do nghề nghiệp không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, nên chị L mượn nợ nhiều

lần, anh Đ phải trả nợ thay cho vợ, dẫn đến mẹ anh Đ và chị L thường xuyên mâu thuẫn. Thời gian dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Đến nay thì chị L làm ở Bình Dương, vợ chồng đã ly thân hơn 01 năm. Anh Đ nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn với chị L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống, anh Đ và chị L có 01 con chung tên Đặng Ngọc Phương L1, sinh năm 2011, hiện cháu L1 đang sống cùng với anh Đ; sau khi ly hôn anh Đ yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Anh Đ có đơn đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị Kim L có văn bản trình bày:

Chị L và anh Đ chung sống từ năm 2008, cả hai có đăng ký kết hôn vào năm 2011; đến cuối năm 2022 thì chị và mẹ chồng mâu thuẫn với nhau, mẹ chồng chị không cho chị sống chung nhà nữa. Từ đó dẫn đến việc anh Đ làm đơn ly hôn với chị, thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung, chị L đồng ý giao con chung là Đặng Ngọc Phương L1, sinh năm 2011, cho anh Đ nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L có đơn đề nghị Tòa án hòa giải và xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đặng Ngọc Đ có đơn khởi kiện ly hôn với chị Phan Thị Kim L, chị L có địa chỉ tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đ và chị L đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2.] Về nội dung vụ án

[2.1.] Về quan hệ hôn nhân

Xét yêu cầu ly hôn của anh Đặng Ngọc Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Đ và chị L chung sống và có đăng ký kết hôn vào năm 2011; nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Anh Đ trình bày do kinh tế gia đình khó khăn, cùng với việc chị L và mẹ anh Đ có mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn theo, cuộc sống hôn nhân

không còn hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân hơn một năm nay, nên anh Đ có đơn kiện xin ly hôn với chị L. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, thì chị L không đến Tòa án để trình bày ý kiến và hòa giải; tuy nhiên chị L có văn bản trình bày chị đồng ý ly hôn với anh Đ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị L.

[2.2.] Về nuôi con chung

Anh Đ và chị L trình bày có con chung là Đặng Ngọc Phương L1, sinh năm 2011, hiện cháu L1 đang sống cùng với anh Đ. Sau khi ly hôn anh Đ yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L có văn bản trình bày ý kiến, chị đồng ý giao con chung cho anh Đ được quyền nuôi con sau khi ly hôn.

Xét thấy, thỏa thuận về việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung giữa anh Đ và chị L sau khi ly hôn là phù hợp pháp luật; nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Anh Đ không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đ, chị L đều trình bày không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Anh Đặng Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Ngọc Đ và chị Phan Thị Kim L.

2. Về nuôi con: Anh Đặng Ngọc Đ được quyền nuôi con chung Đặng Ngọc Phương L1, sinh năm 2011 sau khi ly hôn (hiện cháu L1 đang sống với anh Đ).

Chị Phan Thị Kim L được quyền đến thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Ngọc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0017417 ngày 05/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành (A Đ đã nộp xong án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Long Hưng B, H. Cao Lãnh, ĐT (số 148, ngày 12/12/2011)
- Lưu HS vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Lê Thanh Mai